

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung SIRO MS NỮ HOÀNG SÂM

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Công ty cổ phần dược phẩm Quốc tế Green EU.
- Địa chỉ trụ sở: 781 Nguyễn Lương Bằng – Phường Phù Liên – TP Hải Phòng, Việt Nam.
- Điện thoại: 0966133168
- Mail: congtygreeneu@gmail.com
- Mã số doanh nghiệp: 0202028992
- Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm Iso 22000:2018 số chứng nhận: W2599F; ngày 30/03/2026.

3. Các chỉ tiêu cảm quan

- Trạng thái: Sản phẩm dạng siro lỏng.
- Màu sắc: màu nâu đậm đặc trưng cho sản phẩm.
- Mùi vị: mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi vị lạ.

4. Thành phần cấu tạo:

Thành phần: Dịch chiết thảo mộc tổng hợp (Lá Dương đề nhân Ms Nữ Hoàng (Sâm Nữ Hoàng) 45%, Đinh lăng 10%, hạt mầm Đỗ đen 10%, Nụ hoa tam thất 5%, Hạt Thảo Quyết Minh sao đậm vàng 5%, Lá cỏ ngọt 5%); Inulin (Chất xơ hòa tan) (2,00%); Chất bảo quản thực phẩm (Kali sorbat (E202) 0,08% và Natri benzoat (E211) 0,05%); Nước tinh khiết vừa đủ 100%.

5. Các chỉ tiêu lý hóa.

ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g	Mức công bố trong 100g
1	Năng lượng	Kcal/g	10	10 ± 29%
2	Chất đạm	g/100ml	0,4	0,40 ± 29%
3	Chất béo	g/100ml	<LOQ (LOQ:0,03)	± 29%
4	Carbohydrate	g/100ml	2,11	2,11 ± 29%
5	Natri	mg/100ml	17,4	17,4 ± 29%
6	Đường tổng số	g/100ml	1,05	1,05 ± 29%

Các hàm lượng trên không vượt quá mức cho phép theo Phụ lục số 02: Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế).

6. Các chỉ tiêu an toàn.

6.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật.

Theo QCVN 8-3:2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.



### Giới hạn cho phép vi sinh vật.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả kiểm nghiệm	M
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	<1	$\leq 1 \times 10^4$
2	Coliforms	CFU/g	<1	$\leq 10$
3	<i>Escherichia coli</i> (E. coli)	CFU/g	Âm tính	$\leq 10$
4	Salmonella spp	/25mg	Âm tính	KPH
5	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	<1	$\leq 1 \times 10^2$
6	Enterobacteriaceae (Vi khuẩn gram âm dung nạp mật)	CFU/g	<1	$\leq 10$

- CFU/g: Đơn vị khuẩn lạc trên 1 gam sản phẩm

### 6.2. Hàm lượng kim loại nặng.

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả kiểm nghiệm (mg/kg)	Mức tối đa (mg/kg)
1	Asen (As) tổng số	< LOQ (LOQ:0,020)	$\leq 5,0$
2	Cadimi (Cd)	KPH (LOD:0,004)	$\leq 2,0$
3	Chì (Pb)	< LOQ (LOQ:0,020)	$\leq 1,5$
4	Thủy Ngân (Hg)	Không phát hiện (LOD:0,004)	$\leq 0,5$

### 6.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả kiểm nghiệm	Mức tối đa ( $\mu$ /kg)
1	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	$\mu$ g/Kg	Không phát hiện (LOD :0,5)	$\leq 4$

### 6.4. Các chỉ tiêu khác:

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

Phụ gia thực phẩm: Tuân thủ Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế.

### 7. Hướng dẫn sử dụng:

- **Đối tượng sử dụng:** Người trưởng thành có nhu cầu sử dụng các dưỡng chất bổ sung vào chế độ chăm sóc sức khỏe hàng ngày. Người làm việc trí óc, người cần bồi bổ sức khỏe, cần tăng cường sức đề kháng.

- **Hướng dẫn sử dụng:** Uống trực tiếp hoặc pha loãng với nước ấm. Dùng 1 đến 2 gói/lần x 1 đến 2 lần/ ngày hoặc tùy theo nhu cầu. Dùng trước hoặc sau bữa ăn 15-30 phút. Lắc đều trước khi sử dụng.

**8. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

8.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi lion chịu nhiệt hoặc túi nhôm cán màng nhựa hoặc chai nhựa chịu nhiệt hoặc chai thủy tinh, đặt trong hộp giấy hoặc hộp nhựa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2. Quy cách bao gói: 20ml, 25ml, 28ml, 30ml, 50ml, 100ml... hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

Hoặc tùy theo nhu cầu thị trường được ghi rõ trên bao bì.

(Sai số định lượng phù hợp theo quy định Thông tư 21/2014/TT-BKHCN).

**9. Thời hạn sử dụng:**

24 tháng kể từ ngày sản xuất, Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): được in trên bao bì sản phẩm.

**10. Cảnh báo (chú ý):** Không dùng cho người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

**11. Hướng dẫn bảo quản:**

Nơi khô ráo, thoáng mát đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Phòng, ngày 06 tháng 05 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU



*Phạm Thị Thanh Huệ*  
CHỦ TỊCH HĐQT  
PHẠM THỊ THANH HUỆ

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU

## TÀI LIỆU CHỨNG MINH TỪNG DƯỢC LIỆU TRONG SẢN PHẨM TÊN SẢN PHẨM: **Thực phẩm Bổ sung SIRO Ms NỮ HOÀNG SÂM**

### 1. DƯƠNG ĐÈ NHÃN Ms Nữ Hoàng (Tên thương mại Sâm Nữ Hoàng)

Tên khoa học: Rumex crispus L.

Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Tất Lợi – Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam
  - NXB Y học - Tái bản 2004. Trang: khoảng 330–332 (mục Chút chút/Dương đề)
2. Tra cứu dược liệu Việt Nam – Chút chút nhãn  
(Tra cứu dược liệu)
3. Bản đề tài NCKH và bản công bố các thông tin về giống cây trồng của GS Võ Thị Ngọc.

Công dụng chính: Thanh nhiệt, giải độc. Chống oxy hóa. Kháng viêm. Hỗ trợ chuyển hóa. Giàu Saponin, flavonoid, tannin, polyphenol, protein

Hoạt chất chính:

- Saponin
- Flavonoid
- Polyphenol

### 2. ĐINH LĂNG

Tên khoa học: Polyscias fruticosa

Tài liệu:

1. Đỗ Tất Lợi – Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam
  - NXB Y học – 2004 - Trang khoảng 466–470
2. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam – Tập I
  - NXB Khoa học và Kỹ thuật - 2006

Công dụng:

- Bồi bổ cơ thể. Tăng sức đề kháng. Hỗ trợ tuần hoàn não. Giảm mệt mỏi. Tăng cường trí nhớ. Hỗ trợ miễn dịch

Hoạt chất: Saponin. Vitamin B. Acid amin. Flavonoid

### 3. HẠT MÀM ĐỎ ĐEN

Tên khoa học: Đỗ đen

Tài liệu:

1. Thực vật làm thuốc Việt Nam- Võ Văn Chi. NXB Y học. 2012
2. Dinh dưỡng học hiện đại. NXB Y học. 2015

Công dụng: Chống oxy hóa. Hỗ trợ tim mạch. Hỗ trợ chuyển hóa lipid. Giàu anthocyanin. Hỗ trợ làm đẹp da

Hoạt chất: Anthocyanin. Isoflavon. Polyphenol. Vitamin nhóm B

### 4. NỤ HOA TAM THẤT

Tên khoa học: Panax notoginseng

Tài liệu:

1. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam
  - NXB Khoa học & Kỹ thuật. 2006. Chinese Pharmacopoeia. 2020 Edition

Công dụng: Hỗ trợ tuần hoàn máu. Chống oxy hóa. An thần. Hỗ trợ tim mạch. Hỗ trợ giảm stress

Hoạt chất: Notoginsenoside. Ginsenoside. Flavonoid



## 5. THẢO QUYẾT MINH

Tên khoa học: Cassia obtusifolia

Tài liệu:

1. Đỗ Tất Lợi – Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học. 2004. Trang khoảng 1010–1013. Dược điển Trung Quốc. 2020

Công dụng: Hỗ trợ giảm mỡ máu. Nhuận tràng. Thanh nhiệt. Hỗ trợ mắt. Hỗ trợ huyết áp. Hoạt chất: Chrysophanol. Emodin. Obtusin

## 6. CỎ NGỌT

Tên khoa học: Stevia rebaudiana

Tài liệu: Medicinal Plants of the World. Humana Press. 2005. WHO Monographs on Selected Medicinal Plants. WHO. 2007

Công dụng: Tạo ngọt tự nhiên. Hỗ trợ người ăn kiêng. Hỗ trợ chuyển hóa đường.

Chống oxy hóa nhẹ

Hoạt chất: Stevioside. Rebaudioside A

## III. GIẢI TRÌNH KHOA HỌC

Các thành phần trong sản phẩm đã được sử dụng rộng rãi trong y học cổ truyền và thực phẩm.

Các tài liệu khoa học như đã ghi nhận các dược liệu này có tác dụng hỗ trợ chức năng gan, hỗ trợ chuyển hóa, chống oxy hóa và tăng cường sức đề kháng.

Các thành phần được sử dụng với hàm lượng phù hợp, đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành và phù hợp sử dụng trong chế độ chăm sóc sức khỏe hàng ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU



*Phạm Thị Thanh Huế*  
CHỦ TỊCH HĐQT  
PHẠM THỊ THANH HUẾ



## MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

#### BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/GREENEU/2026

#### I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU
- Địa chỉ: 781 Nguyễn Lương Bằng, phường Phù Liễn, Thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ nhà máy sản xuất: Tổ dân phố Cống Mỹ - Phường An Dương – Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0966133168
- Email: [congtvgreeneu@gmail.com](mailto:congtvgreeneu@gmail.com)
- Mã số doanh nghiệp: 0202028992

- Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm Iso 22000:2018 số chứng nhận: W2599F; ngày 30/03/2026.

#### II. THÔNG TIN SẢN PHẨM

##### 1. Tên sản phẩm:

Thực phẩm bổ sung SIRO Ms NỮ HOÀNG SÂM

##### 2. Thành phần:

Dịch chiết thảo mộc tổng hợp (Lá Dương đề nhân Ms Nữ Hoàng (Sâm Nữ Hoàng) 45%, Đinh lăng 10%, hạt mầm Đỗ đen 10%, Nụ hoa tam thất 5%, Hạt Thảo Quyết Minh sao đậm vàng 5%, Lá cỏ ngọt 5%); Inulin (Chất xơ hoà tan) (2,00%); Chất bảo quản thực phẩm (Kali sorbat (E202) 0,08% và Natri benzoat (E211) 0,05%); Nước tinh khiết vừa đủ 100%.

##### 3. Thời hạn sử dụng:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP) ghi trên bao bì.

##### 4. Quy cách đóng gói:

20ml, 25ml, 28ml, 30ml, 50ml, 100ml hoặc theo nhu cầu thị trường.

##### 5. Chất liệu bao bì:

Túi chịu nhiệt, túi nhôm cán màng nhựa, chai nhựa hoặc chai thủy tinh đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

##### 6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU

Địa chỉ: Tổ dân phố Cống Mỹ - Phường An Dương – Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

#### III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

(Mẫu nhãn sản phẩm kèm theo).

#### IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Tiêu chuẩn sản phẩm số TCB 10/GREENEU/2026.

**V. CAM KẾT**

- Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHẠM THỊ THANH HUỆ**



	Ngày lập	Tên sản phẩm	Khách hàng	QUY CÁCH SẢN PHẨM	CÁCH THỨC DUYỆT MÀU	KHÁCH DUYỆT
	Lập 01/08/2020 Sửa 02/09/2020 Sửa 03/11/2020	Hộp Ms Nữ Hoàng Sâm	GREEN EU	Hộp (DxRxC): 180x180x150 (mm) Quy cách in: Giấy H80 căn má Bề dày 1P Nội dung: màu sắc theo file	1. PGA là in màu theo mẫu khách đã ký và gửi cho chúng tôi 2. Khách trả hàng theo đơn duyệt màu 3. In màu theo File. Màu khách yêu cầu PGA in màu theo file. Chúng tôi sẽ duyệt màu tương đối theo file và sẽ không chịu trách nhiệm gì về màu sắc. (Màu khách in không hợp về màu sắc)	Ngày: ____ / ____ / 2020
Mã đơn: HUY	Số màu in: 4/0	Lưu ý: Để ngăn khách hàng kiểm tra kỹ nội dung, kích thước, bố cục màu sắc và quy cách; Chúng tôi, không chịu trách nhiệm sau khi nhận được ký duyệt.				



Số: 30873/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

- Tên mẫu: Thực phẩm Bổ sung Siro Ms Nữ Hoàng Sâm
- Mã số mẫu: 04266162/DV.3
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU  
Địa chỉ: Số 781 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phú Liên,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 17/04/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 17/04/2026 - 05/05/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong hộp, 20 gói/1hộp. Số lượng: 1.  
Số lô: 0010426. NSX: 10/04/2026 - HSD: 09/04/2028.  
Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm Quốc tế Green Eu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 1
9.2*	<i>E. coli</i>	TCVN 6846:2007	/g	Âm tính
9.3*	Enterobacteriaceae (Vi khuẩn gram âm dung nạp mật)	ISO 21528-2:2017	CFU/g	< 1
9.4*	<i>Salmonella</i> spp.	TCVN 10780-1:2017	/25g	Âm tính
9.5*	Tổng số nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/g	< 1
9.6*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	< 1
9.7*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	NIFC.02.M.410 (Ref. AOAC 2020.07)	g/100g	2,11
9.8*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100g	0,40
9.9*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100g	1,05
9.10	Năng lượng (tính từ Chất đạm, Chất béo, Carbohydrat (không bao gồm chất xơ))	NIFC.02.M.06	kcal/100g	10,0
9.11	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.12*	Hàm lượng Arsen tổng số	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,020)
9.13*	Hàm lượng Cadmi	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.14*	Hàm lượng Chì	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,020)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	mg/100g	17,4
9.16*	Hàm lượng Thủy ngân	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.17*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100g	< LOQ (LOQ: 0,03)

#### 10. Ghi chú:

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA  
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## CERTIFICATE OF REGISTRATION

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của:

*This is to certify that the Food safety Management System of:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU**

**GREEN EU INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL., JSC**

Địa chỉ: Tổ dân phố Công Mỹ, phường An Dương, Tp. Hải Phòng

*Address: Cong My residential group, An Duong ward, Hai Phong city*

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

*Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:*

### ISO 22000:2018

Cho lĩnh vực/ For the following activities:

1. Sản xuất: Bột hào, cơm hào/ Manufacturing: Oyster powder, oyster rice;
2. Sản xuất trà thảo dược dạng bột, túi lọc từ hoa, lá cành/ Manufacturing of herbal tea in powder and filter bags from flowers, leaves and branches;
3. Sản xuất cao dược liệu/ Manufacturing of medicinal herbs;
4. Sơ chế ngũ cốc/ Pre-processing of cereals;
5. Sản xuất Enzym hoa quả và siro có nguồn gốc từ thảo mộc/ Manufacturing of fruit enzymes and herbal-derived syrups./.

Số chứng nhận/ Certificate No: W2599F

Ngày ban hành/ Issue date: 30/03/2026

Ngày hết hạn/ Expiry date: 06/11/2028

*(Hiệu lực của giấy chứng nhận các năm tiếp theo sẽ được thể hiện kèm theo quyết định duy trì chứng nhận sau mỗi lần đánh giá giám sát)*

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Vũ Mạnh Dân



SỞ TÀI CHÍNH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ  
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0202028992**

*Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 06 năm 2020*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 05 tháng 08 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ  
GREEN EU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN EU INTERNATIONAL  
PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 781 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Phù Liễn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 0934234262

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm triệu đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 990.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM THỊ THANH HUẾ

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/08/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030181004281

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *Khu An Nhân Đông, Xã Tít Kỳ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

\* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM KHẮC DŨNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 06/10/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030080011473

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 03 phố Vũ Kiệt, khu 2, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*Phạm Đình Phúc*



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Mã số địa điểm kinh doanh: 00002**

*Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 12 năm 2020*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 08 tháng 08 năm 2025*

**1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ GREEN EU – NHÀ MÁY SẢN XUẤT**

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

*Tổ dân phố Công Mỹ, Phường An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại:

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ, chữ đệm và tên: PHẠM THỊ THANH HUỆ

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/08/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030181004281

Địa chỉ liên lạc: *Khu An Nhân Đông, Xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ  
GREEN EU

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0202028992

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/chi nhánh: Số 781 Đường Nguyễn Lương Bằng,  
Phường Phù Liễn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Vũ Huy Cường*